

Số : 98 /2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc (sau đây gọi là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu Công nghệ cao Hoà Lạc (sau đây gọi là Khu Công nghệ cao) theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý là cơ quan tương đương Tổng cục, có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, là đơn vị dự toán cấp I, là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ban hành:

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng năm, 05 năm và dài hạn đối với Khu Công nghệ cao;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu Công nghệ cao phù hợp với điều kiện phát triển thực tế trong từng thời kỳ và theo quy định của pháp luật;

c) Cơ chế thu hút, chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, quyết định hoặc ban hành:

a) Các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các dự án ODA và vốn tiếp nhận viện trợ đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác về Khu Công nghệ cao.

3. Lập kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hàng năm (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định về khung và mức giá, phí, lệ phí tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

6. Ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ theo quy định của pháp luật.

7. Về quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển:

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức lập, phê duyệt, quản lý, giám sát và thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng;

c) Cấp, điều chỉnh, thu hồi các chứng chỉ quy hoạch xây dựng đối với các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao;

d) Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Về vận động đầu tư, quản lý đầu tư và xây dựng:

a) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn vốn đầu tư vào Khu Công nghệ cao;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Là chủ đầu tư các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao quản lý;

d) Quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, C theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; quản lý đầu tư đối với các dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các dự án ODA và vốn tiếp nhận viện trợ (nếu có) đầu tư vào Khu Công nghệ cao; ký các hợp đồng BOT, BTO, BT theo quy định của pháp luật;

đ) Có ý kiến chấp thuận đối với thiết kế cơ sở các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao trên cơ sở quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và theo quy định của pháp luật;

e) Là đầu mối tiếp nhận và quản lý việc sử dụng vốn ODA để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao.

9. Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép và chứng chỉ sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đầu tư;
- b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- c) Giấy phép xây dựng công trình;
- d) Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc trong Khu Công nghệ cao; sổ lao động cho người lao động Việt Nam làm việc trong Khu Công nghệ cao;
- đ) Chứng chỉ xuất xứ hàng hoá;
- e) Các giấy phép, chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật.

10. Về quản lý, sử dụng đất đai:

- a) Được giao đất (gồm cả đất và mặt nước) một lần để tổ chức xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao theo quy hoạch và mục đích sử dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; giao lại đất cho các nhà đầu tư thuê đất theo quy định của pháp luật;
- b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghệ cao;
- c) Tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết cho Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật;
- d) Đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: quyết định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đất chưa có hạ tầng) cho từng dự án trong Khu Công nghệ cao trên cơ sở khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; quyết định mức thu tiền sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước trong Khu Công nghệ cao khi giao lại đất, cho thuê đất;
- đ) Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với các dự án đầu tư thuộc diện đấu thầu, đấu giá tại Khu Công nghệ cao;

e) Thoả thuận với các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong việc định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các loại phí, lệ phí dịch vụ theo quy định của pháp luật.

11. Về quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường:

a) Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao theo ủy quyền và theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường trong Khu Công nghệ cao; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

12. Về quản lý các dịch vụ và bảo đảm an ninh, trật tự:

a) Quản lý các hoạt động khai thác, kinh doanh, dịch vụ, sử dụng các công trình đầu tư; trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao;

b) Phê duyệt mức giá, phí và lệ phí áp dụng trong Khu Công nghệ cao theo ủy quyền và được thu, quản lý, sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan ban hành quy định bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và thực hiện nếp sống văn hóa trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác các công trình trong Khu Công nghệ cao.

13. Về tổ chức và quản lý hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao:

a) Quyết định các lĩnh vực công nghệ ươm tạo, đối tượng ươm tạo và hình thức ươm tạo theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định các hình thức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia ươm tạo theo quy định của pháp luật.

14. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

15. Đăng ký nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, hệ thống thang lương, bảng lương, kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày cho doanh nghiệp; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình ký kết, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động của doanh nghiệp.

16. Tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo nguồn nhân lực trong Khu Công nghệ cao; xây dựng các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

18. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

20. Được mở tài khoản tại kho bạc để thu các khoản thu hồi từ đầu tư ngân sách nhà nước (nếu có), các khoản thu khác để duy tu, bảo dưỡng và đầu tư trở lại cho Khu Công nghệ cao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

21. Là cơ quan đầu mối về kế hoạch khoa học và công nghệ; phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị thuộc Ban Quản lý thực hiện nghiên cứu đề tài, dự án khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

22. Định kỳ, đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan có liên quan về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của Khu Công nghệ cao.

23. Thực hiện cải cách hành chính tại Khu Công nghệ cao theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

24. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức hành chính giúp Trưởng Ban Quản lý thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

- a) Văn phòng;
- b) Ban Kế hoạch - Tài chính;
- c) Ban Hỗ trợ đầu tư;
- d) Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.

Các tổ chức qui định từ điểm a đến điểm d khoản này được tổ chức phòng. Việc thành lập phòng do Trưởng ban Ban Quản lý quyết định sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận.

2. Các đơn vị sự nghiệp:

- a) Trung tâm Đào tạo;
- b) Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- c) Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp công nghệ cao;
- d) Ban Quản lý các Dự án và khai thác hạ tầng.

3. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ, Trưởng ban Ban Quản lý trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định thành lập các Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng là đơn vị sự nghiệp theo qui định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Ban Quản lý có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban. Trưởng ban Ban Quản lý có thể do Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm.

2. Trưởng ban và các Phó Trưởng ban do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban Ban Quản lý quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

4. Trưởng ban Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý. Phó Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.


2. Bãi bỏ các Điều 2, 3, 4 và 5 Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban QL KCNC Hoà Lạc;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (10b). **300**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng